

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 7 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tăng Văn Thành.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Văn S**; Sinh năm: 1997. Địa chỉ: **Ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Võ Thị Tuyết K**; Sinh năm: 1993. Địa chỉ: **Ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Lê Văn S** trình bày:

Về hôn nhân: Ông **Lê Văn S** và bà **Võ Thị Tuyết K** tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 07/12/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Hôn nhân

không còn hạnh phúc, vợ chồng bất đồng ý kiến và thường xuyên cãi vã nhau. Bà **K** đã bỏ nhà ra đi từ tháng 5/2023. Nay ông **S** xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà **K** không còn, nên ông **S** yêu cầu ly hôn với bà **Võ Thị Tuyết K**; Về con chung: Trong quá trình chung sống ông **Lê Văn S** và bà **Võ Thị Tuyết K** có 01 người con chung tên là **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022, hiện nay đang sống chung với ông **S**. Ông **Lê Văn S** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022 cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà **Võ Thị Tuyết K** phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống ông **S** và bà **K** không có tài sản chung và không có nợ chung, nên ông **S** không có yêu cầu gì.

* Bị đơn là bà **Võ Thị Tuyết K** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà **Võ Thị Tuyết K** không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **Võ Thị Tuyết K**.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022 cho ông **S** nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Võ Thị Tuyết K** là bị đơn trong vụ án, bà **Võ Thị Tuyết K** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **Võ Thị Tuyết K**.

Đối với nguyên đơn ông **Lê Văn S** đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **S**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông **Lê Văn S** và bà **Võ Thị Tuyết K** là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng ông bà không tìm giải pháp bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Lê Văn S** yêu cầu được ly hôn với bà **Võ Thị Tuyết K** là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông **S**. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông **S** được ly hôn với bà **Võ Thị Tuyết K**.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông **S** và bà **K** có có 01 người con chung tên là **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022, hiện nay đang sống chung với ông **S**. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông **Lê Văn S** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022 cho đến khi thành niên, không yêu cầu bà **Võ Thị Tuyết K** phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn là bà **Võ Thị Tuyết K** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của ông **S**, nhưng bà **Võ Thị Tuyết K** không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của ông **S**. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ông **S** và bà **K** sống ly thân cho đến nay thì cháu **Ngọc A** sống chung với ông **S**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022 cho ông **S** nuôi dưỡng đến khi thành niên, do ông **S** không yêu cầu bà **K** phải cấp dưỡng nuôi con, nên bà **Võ Thị Tuyết K** không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà **Võ Thị Tuyết K**, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Lê Văn S** không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Lê Văn S** phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Bà **Võ Thị Tuyết K** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều

17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn S**.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông **Lê Văn S** được ly hôn với bà **Võ Thị Tuyết K**.

2. Về con chung: Giao cháu **Lê Ngọc A**, sinh ngày 20/5/2022 cho ông **S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu **Lê Ngọc A** thành niên. Bà **Võ Thị Tuyết K** không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà **Võ Thị Tuyết K**, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **S** không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Lê Văn S** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng ông **S** được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004126 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông **S** đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà **Võ Thị Tuyết K** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông **Lê Văn S** và bà **Võ Thị Tuyết K** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên